

KHẢO SÁT TÍNH ĐA DẠNG VÀ BẢO TỒN CÂY THUỐC CHUYỂN VỊ TẠI TRUNG TÂM BẢO TỒN NGUỒN GEN CÂY THUỐC, VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN QUÂN ĐỘI

DS. BÙI KIM ĐỨC, TS. NGUYỄN THỊ SINH

Trường Đại học Đại Nam

DSCCKII. NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Viện Y học cổ truyền Quân đội

Phản biện khoa học: BSCKII. TRẦN BẢO LONG

Trường Phòng Y học cổ truyền, Cục Quân y

TÓM TẮT: Nghiên cứu các loài cây thuốc có mặt tại Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội, từ 01/10/2018 đến 30/4/2019, kết luận:

- Có 368 loài thực vật, trong đó xác định có 342 loài cây thuốc, thuộc 112 họ, 292 chi. Các loài cây thuốc ở đây có 18 bộ phận có thể được sử dụng làm thuốc, sử dụng điều trị cho 40 nhóm bệnh/chứng bệnh và 41/342 loài cây thuốc có tên trong Danh mục thuốc thiết yếu lần thứ VI do Bộ Y tế ban hành.

- Các loài cây thuốc quý hiếm chuyển vị về Trung tâm được bố trí và chăm sóc đặc biệt, song hiệu quả chưa cao, cần tiếp tục được nghiên cứu bảo đảm điều kiện sinh trưởng, phát triển phù hợp hơn.

Từ khóa: Cây thuốc, bảo tồn nguồn gen.

ABSTRACT: Study on the medicinal plants at the Center for conservation of medicinal plants of genetic resources, Military hospital of traditional medicine, from October 1, 2018 to April 30, 2019, concluded:

- There are 368 species of plants, of which determined 342 species of medicinal plants, belong to 112 families and 292 genera. The medicinal plants have 18 parts that can be used as medicine for treatment of 40 groups of diseases/symptoms and 41/342 species of medicinal plants listed in the 6th essential medicine catalogue enacted by Ministry of Health.

- The species of rare and precious medicinal plants transferred to the Center are specially arranged and cared for, but the efficiency is not high, it needs to be further researched to ensure more suitable growth and development conditions.

Keywords: Medicinal plants, genetic resources conservation.

Chịu trách nhiệm nội dung: DSCCKII. Nguyễn Văn Cường, Email: cuongdongy68@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/7/2019; mời phản biện khoa học: 08/8/2019; chấp nhận đăng: 20/8/2019.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Theo ước tính của Tổ chức Quỹ Quốc tế bảo vệ thiên nhiên, trên thế giới có khoảng 35.000-70.000 loại thực vật có thể dùng vào mục đích chữa bệnh [10]. Kho tàng nguồn tài nguyên cây thuốc vô giá này đã và đang được các cộng đồng người trên khắp thế giới khai thác, sử dụng, đặc biệt trong chăm sóc sức khỏe ban đầu [12].

Việt Nam là một trong những quốc gia có nguồn tài nguyên cây thuốc phong phú, với khoảng 5.000 loại thực vật, trong đó có nhiều vị thuốc quý hiếm [2]. Đa số các loại thực vật nêu trên đã được nhiều thế hệ thầy thuốc y học cổ truyền nước ta sử dụng và được chứng minh tác dụng dược lí, tích cực góp phần nâng cao chất lượng bảo vệ sức khỏe nhân dân, phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, hiện có nhiều cây thuốc ở nước ta đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng,

trong khi thông tin về chúng lại chưa được tư liệu hóa [11]. Vì vậy, việc bảo tồn tài nguyên cây thuốc (nghiên cứu bản chất và đa dạng sinh học, nhằm bảo vệ các loài cây thuốc, môi trường sống của chúng và cả hệ sinh thái khỏi việc bị xóa bỏ hoặc xâm phạm quá mức từ các yếu tố xấu bên ngoài) là vấn đề cấp bách, cần được quan tâm triển khai.

Là đơn vị tuyến cuối về y học cổ truyền của quân đội và cả nước, Viện Y học cổ truyền Quân đội vừa có chức năng điều trị, đào tạo, vừa có chức năng nghiên cứu khoa học và sản xuất thuốc. Phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, bảo tồn tài nguyên cây thuốc và cung cấp một phần nguồn dược liệu, nhiều năm qua, Viện đã phát triển Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc với khu vực vườn ươm trồng, lưu giữ gần 400 loại cây thuốc.

Góp phần tổng hợp, tư liệu hóa thông tin về những loài cây thuốc, chúng tôi thực hiện đề tài này nhằm đánh giá tính đa dạng và bảo tồn cây thuốc chuyển vị tại Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Tất cả các loài thực vật và cây thuốc có tại Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội, từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/4/2019.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Thiết kế nghiên cứu: điều tra thực địa, thống kê.
- Phương pháp thu thập thông tin:
 - + Khảo sát, thống kê tất cả các cây thuốc gặp tại Trung tâm; thu mẫu tiêu bản (sử dụng máy ép

tiêu bản) và chụp ảnh cây thuốc.

+ Phòng vấn trực tiếp cán bộ chỉ huy và quản lí Trung tâm về tất cả cây thuốc đã gặp.

+ Thu thập thông tin về tên cây tiếng địa phương, bộ phận dùng, công dụng, cách dùng. Xác định thành phần loài, cách sử dụng cây thuốc.

- Xử lí số liệu: bằng phương pháp thống kê y học thông thường.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.

3.1. Tính đa dạng của cây thuốc tại Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội:

3.1.1. Danh mục họ; số lượng chi, loài cây thuốc:

Trong 368 loài thực vật được ghi nhận tại Trung tâm, xác định có 342 loài cây thuốc, thuộc 112 họ, 292 chi.

Bảng 1. Danh mục họ, chi, loài cây thuốc.

Tên họ		Số chi (n = 112)	Số loài (n = 368)	Tên họ		Số chi (n = 112)	Số loài (n = 368)
Tên khoa học	Tiếng Việt			Tên khoa học	Tiếng Việt		
<i>Acanthaceae</i>	Ô rô	6 (2,05%)	6 (1,63%)	<i>Limnocharitaceae</i>	Kèo nèo	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Alliaceae</i>	Hành	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Loranthaceae</i>	Tầm gửi	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Altingiaceae</i>	Tô hạp	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Lygodiaceae</i>	Bồng bong	1 (0,34%)	2 (0,54%)
<i>Amaranthaceae</i>	Rau dền	5 (1,71%)	8 (2,17%)	<i>Lythraceae</i>	Bằng lăng	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Amaryllidaceae</i>	Thủy tiên	1 (0,34%)	3 (0,82%)	<i>Magnoliaceae</i>	Mộc lan	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Anacardiaceae</i>	Đào lộn hột	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Malvaceae</i>	Bông	3 (1,02%)	5 (1,36%)
<i>Annonaceae</i>	Na	4 (1,37%)	4 (1,08%)	<i>Marsileaceae</i>	Rau bợ nước	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Apiaceae</i>	Cần	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Meliaceae</i>	Xoan	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Apocynaceae</i>	Trúc đào	10 (3,42%)	13 (3,53%)	<i>Menispermaceae</i>	Tiết dề	2 (0,51%)	3 (0,82%)
<i>Araceae</i>	Ráy	13 (4,45%)	14 (3,8%)	<i>Mimosaceae</i>	Trinh nữ	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Araliaceae</i>	Nhân sâm	3 (1,02%)	6 (1,63%)	<i>Moraceae</i>	Dâu tằm	5 (1,71%)	12 (3,26%)
<i>Arecaceae</i>	Cau	5 (1,71%)	5 (1,35%)	<i>Moringaceae</i>	Chùm ngây	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Asclepiadaceae</i>	Thiên lí	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Musaceae</i>	Chuối	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Asparagaceae</i>	Thiên môn	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Myrsinaceae</i>	Đon nem	2 (0,51%)	2 (0,54%)
<i>Asphodelaceae</i>	Lan nhật quang	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Myrtaceae</i>	Sim	4 (1,37%)	8 (2,17%)
<i>Asteliaceae</i>	Huyết dụ	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Nyctaginaceae</i>	Hoa giấy	2 (0,51%)	3 (0,82%)
<i>Asteraceae</i>	Cúc	18 (6,16%)	25 (6,8%)	<i>Nymphaeaceae</i>	Súng	3 (1,02%)	3 (0,82%)
<i>Basellaceae</i>	Mồng tơi	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Oleaceae</i>	Nhài	2 (0,51%)	4 (1,08%)
<i>Bignoniaceae</i>	Chùm ớt	4 (1,37%)	4 (1,08%)	<i>Onagraceae</i>	Rau mương	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Bixaceae</i>	Điều nhuộm	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Ophioglossaceae</i>	Lưỡi rắn	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Bombacaceae</i>	Gạo	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Orchidaceae</i>	Lan	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Boraginaceae</i>	Vòi voi	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Oxalidaceae</i>	Chua me đất	2 (0,51%)	3 (0,82%)
<i>Brassicaceae</i>	Cải	1 (0,34%)	2 (0,54%)	<i>Pandanaceae</i>	Dứa dại	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Cactaceae</i>	Xương rồng	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Papaveraceae</i>	Thuốc phiện	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Caesalpiniaceae</i>	Vang	5 (1,71%)	7 (1,19%)	<i>Passifloraceae</i>	Lạc tiên	1 (0,34%)	1 (0,27%)

Tên họ		Số chi (n = 112)	Số loài (n = 368)	Tên họ		Số chi (n = 112)	Số loài (n = 368)
Tên khoa học	Tiếng Việt			Tên khoa học	Tiếng Việt		
<i>Caprifoliaceae</i>	Kim ngân	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Phytolaccaceae</i>	Thương lục	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Caricaceae</i>	Đu đủ	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Piperaceae</i>	Hồ tiêu	1 (0,34%)	2 (0,54%)
<i>Caryophyllaceae</i>	Cẩm chướng	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Plumbaginaceae</i>	Bạch hoa xà	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Clusiaceae</i>	Bứa	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Poaceae</i>	Lúa	7 (2,4%)	7 (1,9%)
<i>Combretaceae</i>	Bàng	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Podocarpaceae</i>	Thông tre	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Commelinaceae</i>	Thài lài	3 (1,02%)	4 (1,08%)	<i>Polygonaceae</i>	Rau răm	4 (1,37%)	4 (1,08%)
<i>Convallariaceae</i>	Tóc tiên	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Polypodiaceae</i>	Dương xỉ	3 (1,02%)	3 (0,82%)
<i>Convolvulaceae</i>	Bìm bìm	2(0,51%)	3 (0,82%)	<i>Pontederiaceae</i>	Lục bình	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Costaceae</i>	Mía dò	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Portulacaceae</i>	Rau sam	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Crassulaceae</i>	Lá bỏng	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Punicaceae</i>	Lựu	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Cucurbitaceae</i>	Bí	3 (1,02%)	4 (1,08%)	<i>Rhamnaceae</i>	Táo ta	2 (0,51%)	2 (0,54%)
<i>Cupressaceae</i>	Hoàng đàn	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Rosaceae</i>	Hoa hồng	4 (1,37%)	9 (2,44%)
<i>Cycadaceae</i>	Tuế	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Rubiaceae</i>	Cà phê	7 (2,4%)	8 (2,17%)
<i>Cyperaceae</i>	Cói	2 (0,51%)	3 (0,82%)	<i>Rutaceae</i>	Cam	5 (1,71%)	9 (2,44%)
<i>Dioscoreaceae</i>	Củ nâu	1 (0,34%)	2 (0,54%)	<i>Sapindaceae</i>	Bồ hòn	4 (1,37%)	4 (1,08%)
<i>Dipterocarpaceae</i>	Hai cánh	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Sapotaceae</i>	Hồng xiêm	2 (0,51%)	2 (0,54%)
<i>Dracaenaceae</i>	Phất dụ	2 (0,51%)	6 (1,63%)	<i>Saururaceae</i>	Giấp cá	2 (0,51%)	2 (0,54%)
<i>Ericaceae</i>	Đỗ quyên	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Scrophulariaceae</i>	Mỡ chó	2 (0,51%)	3 (0,82%)
<i>Euphobiaceae</i>	Thầu dầu	15 (5,13%)	22 (5,98%)	<i>Simarubaceae</i>	Thanh thất	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Fabaceae</i>	Đậu	15 (5,13%)	14 (3,80%)	<i>Smilacaceae</i>	Khúc khúc	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Geraniaceae</i>	Mỏ hạc	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Solanaceae</i>	Cà	6 (2,05%)	9 (2,44%)
<i>Ginkgoaceae</i>	Bạch quả	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Stemonaceae</i>	Bách bộ	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Heliconiaceae</i>	Chuối tràng pháo	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Sterculiaceae</i>	Trôm	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Hydrageaceae</i>	Tú cầu	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Strelitziaceae</i>	Thiên điều	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Hypoxidaceae</i>	Hạ trâm	1 (0,34%)	2 (0,54%)	<i>Styracaceae</i>	Bồ đề	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Iridaceae</i>	Lay ơn	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Taccaceae</i>	Râu hùm	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Lamiaceae</i>	Bạc hà	11 (3,77%)	11 (2,99%)	<i>Tiliaceae</i>	Đay	1 (0,34%)	1 (0,27%)
<i>Lauraceae</i>	Long não	2 (0,51%)	2 (0,54%)	<i>Urticaceae</i>	Gai	2 (0,51%)	2 (0,54%)
<i>Lecythidaceae</i>	Lộc vừng	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Verbenaceae</i>	Cỏ roi ngựa	6 (2,05%)	7 (1,9%)
<i>Leeaceae</i>	Gối hạc	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Vitaceae</i>	Nho	2 (0,51%)	2 (0,54%)
<i>Liliaceae</i>	Loa kèn	1 (0,34%)	1 (0,27%)	<i>Zingiberaceae</i>	Gừng	5 (1,71%)	8 (2,17%)

Trong số các cây thuốc được xác định, họ có số chi và loài đa dạng nhất là Cúc (*Asteraceae* - 18 chi, 25 loài) và Thầu dầu (*Euphorbiaceae* - 15 chi, 22 loài); phần lớn các họ còn lại chỉ có 1 chi và 1 loài (60 họ, chiếm 53,58%).

3.1.2. Danh mục nhóm bệnh/chứng bệnh có thể chữa trị bằng cây thuốc tại Trung tâm:

Có thể sử dụng 342 loài cây thuốc đã xác định để điều trị 40 nhóm bệnh/chứng bệnh như sau:

+ An thần, gây ngủ: 12 loài (3,50%).

+ Bệnh hô hấp (ho, hen, viêm đường hô hấp, viêm phế quản, viêm phổi): 50 loài (14,60%).

+ Bệnh ngoài da (hắc lào, eczema, nấm, ghẻ...): 16 loài (4,68%).

+ Bệnh phụ khoa (khí hư, bạch đới, viêm âm đạo): 3 loài (0,88%).

+ Bệnh phụ nữ (đau bụng kinh, kinh không đều, băng huyết, rong kinh...): 20 loài (5,8%).

+ Bệnh tiêu hóa (tiêu hóa kém, đau bụng ỉa chảy, lỵ, đại tràng, viêm ruột...): 59 loài (17,3%).

- + Bệnh về gan (viêm gan, men gan cao, vàng da, vàng mắt): 9 loài (2,63%).
- + Bệnh về mắt (mắt tụ máu, đau mắt, viêm kết mạc): 5 loài (1,46%).
- + Bệnh về máu (bổ máu, thiếu máu, thiếu năng tuần hoàn, hoa mắt chóng mặt): 19 loài (5,56%).
- + Giải rượu: 1 loài (0,29%).
- + Kí sinh trùng - côn trùng (giun sán, đũa, sâu, ong): 10 loài (2,90%).
- + Rụng tóc: 1 loài (0,3%).
- + Sởi: 2 loài (0,58%).
- + Sởi mật, sởi thận: 2 loài (0,58%).
- + Giải rượu: 1 loài (0,29%).
- + Lậu: 1 loài (0,29%).
- + Liệt: 2 loài (0,58%).
- + Bệnh về răng (sâu răng, đau răng): 3 loài (0,88%).
- + Bệnh về tai (viêm tai, chảy nước tai): 2 loài (0,58%).
- + Bệnh về tim (rối loạn nhịp tim): 5 loài (1,46%).
- + Bỏ (ăn khở, ngủ khở, suy nhược cơ thể, gầy mòn): 25 loài (7,30%).
- + Bỏ dương (xuất tinh sớm, di tinh, yếu sinh lí): 9 loài (2,63%).
- + Bồng: 5 loài (1,46%).
- + Chảy máu (chảy máu, ho ra máu, nôn ra máu, vv.): 14 loài (4,10%).
- + Cảm sốt (cảm cúm, sốt): 24 loài (7,0%).
- + Cảm thương hàn: 3 loài (0,88%).
- + Cao huyết áp: 16 loài (4,68%).
- + Chó cắn: 1 loài (0,29%).
- + Đái tháo đường: 3 loài (0,88%).
- + Đau đầu: 4 loài (1,17%).
- + Đau/loét dạ dày: 11 loài (3,20%).
- + Gãy xương, đòn ngã (gãy xương, thương tích, bong gân, ứ huyết): 15 loài (4,38%).
- + Giải rượu: 1 loài (0,29%).
- + Kí sinh trùng - côn trùng (giun sán, đũa, sâu, ong): 10 loài (2,90%).
- + Lậu: 1 loài (0,29%).
- + Liệt: 2 loài (0,58%).
- + Lợi sữa, viêm tuyến sữa, tắc tia sữa, sưng vú: 5 loài (1,46%).
- + Ngộ độc: 11 loài (3,20%).
- + Rắn cắn: 12 loài (3,50%).

- + Rụng tóc: 1 loài (0,3%).
 - + Sởi: 2 loài (0,58%).
 - + Sởi mật, sởi thận: 2 loài (0,58%).
 - + Sốt rét: 12 loài (3,50%).
 - + Thận - tiết niệu (đái đục, đái buốt, viêm tiết niệu, suy thận, lợi tiểu, vv.): 45 loài (13,16%).
 - + Tiêu độc - thanh nhiệt - dị ứng (mụn nhọt, mẩn ngứa, lở loét, dị ứng): 78 loài (22,80%).
 - + Trĩ: 3 loài (0,88%).
 - + Ung thư: 3 loài (0,88%).
 - + Xương khớp (phong tê thấp, đau lưng, đau nhức xương khớp, viêm khớp): 35 loài (10,23%).
- Nhóm bệnh/chứng bệnh có nhiều cây thuốc điều trị và hỗ trợ là bệnh phụ nữ (20 loài), cảm sốt (24 loài), bỏ (25 loài), xương khớp (35 loài), thận - tiết niệu (45 loài), bệnh hô hấp (50 loài), tiêu hóa (59 loài), thanh nhiệt - tiêu độc - dị ứng (78 loài).

3.1.3. Danh mục bộ phận sử dụng của cây thuốc:

Có 18 bộ phận của cây thuốc được sử dụng làm thuốc như sau:

- + Áo hạt: 1 loài (0,29%).
- + Búp lá non: 2 loài (0,58%).
- + Cành: 7 loài (2,05%).
- + Củ: 15 loài (4,39%).
- + Đài quả: 1 loài (0,29%).
- + Dây: 4 loài (1,17%).
- + Hạt: 36 loài (10,50%).
- + Hoa: 23 loài (6,7%).
- + Lá: 132 loài (38,60%).
- + Mầm: 1 loài (0,29%).
- + Ngọn: 1 loài (0,29%).
- + Nhị: 2 loài (0,58%).
- + Nhựa: 13 loài (3,80%).
- + Rễ: 102 loài (29,8%).
- + Thân: 56 loài (16,37%).
- + Toàn cây: 113 loài (33,04%).
- + Vỏ rễ: 2 loài (0,58%).
- + Vỏ thân: 44 loài (12,86%).

Bộ phận cây thuốc được dùng nhiều nhất là lá (38,6%), toàn cây (33,4%) và rễ (29,8%). 49 loài có thể sử dụng 3 bộ phận làm thuốc (14,3%), 98 loài có thể sử dụng 2 bộ phận làm thuốc (28,7%) và 91 loài có thể sử dụng 1 bộ phận làm thuốc (26,6%).

3.1.4. Các cây thuốc có tên trong Danh mục thuốc thiết yếu lần thứ VI (Bộ Y tế ban hành):

Bảng 2. Các cây thuốc có tên trong Danh mục thuốc thiết yếu lần thứ VI.

Tên cây	Tên khoa học	Họ
Cỏ xước	<i>Achyranthes aspera</i> L.- <i>A aspera</i> var. <i>Rubro</i> Wight	Amaranthaceae
Xuyên tâm liên	<i>Andrographis paniculata</i> (Burm.f.) Wall. ex Ness	Acanthaceae
Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	Asteraceae
Thiên môn đông	<i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.	Asparagaceae
Rau má	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	Apiaceae
Bạch đồng nữ	<i>Clerodendrum chinense</i> var. <i>simplex</i> (Moldenke) S.L.Chen	Verbeneceae
Xích đồng nam	<i>Clerodendrum japonicum</i> (Thunb.) Sweet	Verbenaceae
Ý dĩ	<i>Coix lactyma-jobi</i> L.	Poaceae
Huyết dụ	<i>Cordyline fruticosa</i> (L.) A.Chev.	Asteliaceae
Trinh nữ hoàng cung	<i>Crinum latifolium</i> L.	Amaryllidaceae
Khổ sâm cho lá	<i>Croton tonkinensis</i> Gagnep.	Euphorbiaceae
Nghệ vàng	<i>Curcuma longa</i> L.	Zingiberaceae
Nhọ nôi	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.	Asteraceae
Tên cây	Tên khoa học	Họ
Cỏ màn trâu	<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaertn	Poaceae
Kinh giới	<i>Elsholtzia ciliata</i> (Thunb.) Hyl.	Lamiaceae
Dành dành	<i>Gardenia jasminoides</i> J.Ellis	Rubiaceae
Địa liên	<i>Kaempferia galanga</i> L.	Zingiberaceae
Bồ công anh	<i>Lactuca indica</i> L.	Asteraceae
Ích mẫu	<i>Leonurus japonicus</i> Houtt.	Lamiaceae
Kim ngân	<i>Lonicera japonica</i> Thunb.	Caprifoliaceae
Mỏ quạ	<i>Maclura cochinchinensis</i> (Lour.) Corner	Moraceae
Sắn	<i>Manihot esculenta</i> Crantz.	Eupobiaceae
Bạch chỉ nam	<i>Milletia pulchra</i> Kurz	Fabaceae
Dâu tằm	<i>Morus alba</i> L.	Moraceae
Hương nhu tía	<i>Ocimum tenuiflorum</i> L.	Lamiaceae
Mạch môn	<i>Ophiopogon japonicus</i> (L.F) Ker-Gawl.	Convallariaceae
Phèn đen	<i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir.	Euphorbiaceae
Lá lốt	<i>Piper lolot</i> C.DC.	Piperaceae
Trắc bách	<i>Platyclusus orientalis</i> (L.) Franco	Cupressaceae
Húng chanh	<i>Plectranthus amboinicus</i> (Lour.) Spreng.	Lamiaceae
Cúc tần	<i>Pluchea indica</i> (L.) Less.	Asteraceae
Đinh lăng	<i>Polyscias irimicosa</i> (L.) Harms (<i>Panax fruticosum</i> L)	Araliaceae
Ổi	<i>Psidium guajava</i> L.	Myrtaceae
Ngũ gia bì chân chim	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin	Araliaceae
Cam thảo nam	<i>Scoparia dulcis</i> L.	Scrophulariaceae
Hy thiêm	<i>Sigesbeckia orientalis</i> L.	Asteraceae
Cà gai leo	<i>Solanum procumbens</i> L.	Solanaceae
Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	Stemonaceae
Bán hạ nam	<i>Typhonium trilobatum</i> (L.) Schott.	Araceae
Sài đất	<i>Wedelia calendulacea</i> (L.) Less	Asteraceae
Gừng	<i>Zingiber officinale</i> Roscoe	Zingiberaceae

Có 41/342 loài cây thuốc tại Trung tâm có tên trong Danh mục thuốc thiết yếu lần thứ VI.

3.2. Một số cây thuốc quý hiếm bảo tồn tại Trung tâm:

Bảng 3. Danh mục một số cây thuốc quý hiếm chuyển vị.

Tên cây	Họ	Nguồn gốc
Bạch quả	<i>Ginkgo biloba</i> L.	Hàn Quốc
Đương quy	<i>Angelica sinensis</i> (Oliv) Deils	Trung Quốc
Huyền sâm	<i>Scrophularia ningpoensis</i> Hemsl	Sa Pa (Việt Nam)
Khôi tía	<i>Ardisia sylvestris</i> Pitard	Cát Bà (Việt Nam)
Nân nghệ	<i>Dioscorea colletii</i> Hook.f.	Côn Đảo (Việt Nam)
Ngũ gia bì gai	<i>Eleutherococcus trifolius</i> L. Hu	Hòa Bình (Việt Nam)
Ô liu	<i>Oleo europaea</i> L.	Trung Quốc
Osaka	<i>Cassia fistula</i> L.	Ấn Độ
Sài hồ nam	<i>Pluchea pteropoda</i> Hemsl	Lào Cai (Việt Nam)
Sò đỏ cam	<i>Spathodea campanulata</i>	Đà Nẵng (Việt Nam)
Thường sơn	<i>Dichroa febrifuga</i> Lour.	Hòa Bình (Việt Nam)

- Đánh giá hoạt động bảo tồn các cây thuốc chuyển vị:

Tại Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội, các hoạt động bảo tồn, chuyển vị diễn ra thường xuyên. Các điều kiện sinh thái phù hợp thực vật chuyển vị về luôn được ưu tiên hàng đầu. Việc kiểm tra độ ẩm, nhiệt độ môi trường, độ pH của đất được thực hiện 3 lần/tháng để bảo đảm điều kiện tốt nhất cho cây thuốc sinh trưởng, phát triển. Một số cây thuốc quý hiếm (như Huyền sâm, Khôi tía, Ngũ gia bì gai, Ô liu...) được bố trí chăm sóc đặc biệt tại khu vực có điều kiện phù hợp nhất, tương đồng với điều kiện sống của chúng. Tuy nhiên, vẫn có nhiều cây bị chết do bệnh, do không phù hợp điều kiện thổ nhưỡng và thời tiết tại đây, như Sinh địa, Bạch chỉ, Đương quy, Khôi tía, Bách bộ... Viện Y học cổ truyền Quân đội đã tiến hành bổ sung các cây thuốc mới nhưng hiệu quả chưa cao và chỉ giữ lại được vài cá thể.

4. BÀN LUẬN.

Điều tra về nguồn tài nguyên cây thuốc là hoạt động cần thiết, đã được nhiều cơ sở nghiên cứu (như Viện Dược liệu, Trường Đại học Dược Hà Nội, Viện Dân tộc học...) thực hiện, trên nhiều khu vực và trên toàn quốc. Các kết quả nghiên cứu giúp các cơ sở khoa học, cơ quan quản lý, đơn vị

sản xuất kinh doanh nắm được đầy đủ thực trạng cây thuốc tại từng khu vực, từng vùng địa lý..., từ đó có căn cứ tin cậy để hoạch định chính sách, lập kế hoạch nuôi trồng, phát triển, sản xuất được liệu phù hợp, nghiên cứu thuốc mới phục vụ chữa bệnh.

Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội có hàng trăm loài thực vật có thể sử dụng cho mục đích chữa bệnh, song chưa được thống kê đầy đủ, tư liệu hóa chi tiết. Một số cây thuốc quý hiếm chuyển vị tới đây cũng chưa được đánh giá tiềm năng sinh trưởng, phát triển. Vì vậy, nghiên cứu thực trạng, thống kê số loài cây thuốc, tên cây, công dụng chữa bệnh; đánh giá những khó khăn, thuận lợi của việc bảo tồn, chuyển vị một số loài cây thuốc quý hiếm là cần thiết và rất có ý nghĩa. Tuy diện tích vườn trồng cây thuốc không lớn (chỉ 1 ha), nhưng số loài cây thuốc ở đây khá phong phú (342/368 loài thực vật là cây thuốc). 342 loài cây thuốc được xác định thuộc 112 họ, 292 chi; trong đó, phần lớn các họ chỉ có 1 chi và 1 loài (60 họ, chiếm 53,58%). Họ có số chi và loài đa dạng nhất là Cúc (*Asteraceae* - có 18 chi, 25 loài) và Thầu dầu (*Euphorbiaceae* - có 15 chi, 22 loài).

Các cây thuốc này có khả năng điều trị đối với 40 nhóm bệnh/chứng bệnh. Nhóm bệnh/chứng bệnh có nhiều cây thuốc điều trị và hỗ trợ là bệnh phụ nữ (20 loài), cảm sốt (24 loài), bổ (25 loài), xương khớp (35 loài), thận - tiết niệu (45 loài), bệnh hô hấp (50 loài), bệnh tiêu hóa (59 loài), thanh nhiệt - tiêu độc - dị ứng (78 loài). Nhóm bệnh/chứng bệnh có ít cây thuốc điều trị và hỗ trợ là giải rượu (1 loài), rụng tóc (1 loài), sỏi (2 loài), sỏi mật, sỏi thận (2 loài), bệnh về răng (3 loài), bệnh về tai (2 loài)... Để tăng cường tính đa dạng sinh học, nên nghiên cứu bổ sung các loài cây thuốc điều trị những nhóm bệnh/chứng bệnh này.

Trong 342 loài cây thuốc tìm thấy, có 18 bộ phận của cây có thể được sử dụng để làm thuốc. Bộ phận của cây có thể sử dụng làm thuốc hay gặp là lá cây (38,6%), toàn cây (chiếm 33,4%) và rễ (chiếm 29,8%). 91 loài có thể sử dụng 1 bộ phận làm thuốc (26,6%), 98 loài có thể sử dụng 2 bộ phận làm thuốc (28,7%) và 49 loài có thể sử dụng 3 bộ phận làm thuốc (14,3%). Có 41/342 loài cây thuốc tại Trung tâm có tên trong Danh mục thuốc thiết yếu lần thứ VI do Bộ Y tế ban hành. Đây cũng là một điểm cần quan tâm để bổ sung số lượng, chủng loại cây thuốc tại Trung tâm.

Hoạt động bảo tồn, chuyển vị cây thuốc được quan tâm và thực hiện thường xuyên tại đây. Đặc biệt với một số cây thuốc quý hiếm, có xuất xứ ở nhiều địa phương của Việt nam và nước ngoài, như Huyền sâm (Sa Pa), Khôi tía (Cát Bà), Sài Hồ Nam (Lào cai), Bạch quả (Hàn Quốc),

Đương quy (Trung Quốc), Osaka (Ấn Độ)... Do điều kiện chung để chăm sóc và bảo tồn cây thuốc chuyển vị khó khăn hơn nhiều so với các loài cây trồng khác, nên bảo đảm điều kiện sinh thái của những loài này luôn được ưu tiên hàng đầu. Việc kiểm tra độ ẩm, nhiệt độ và độ pH của đất được thực hiện 3 lần/tháng để bảo đảm điều kiện tốt nhất cho các cây thuốc sinh trưởng, phát triển. Ngoài điều kiện khí hậu, thời tiết, thổ nhưỡng, đất đai... phù hợp với nhu cầu sinh trưởng tối ưu của cây, việc chăm bón, tưới tiêu... cũng cần được quan tâm đúng mức. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến chất lượng dược liệu hoặc hoạt chất của dược liệu có trong cây thuốc. Áp dụng đúng các tiêu chí trên sẽ giúp cây thuốc phát triển tốt, chất lượng cao, tăng năng suất thu hoạch tại nơi trồng. Nghiên cứu cho thấy, Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên. Song, vẫn có nhiều cây thuốc quý bị chết do bệnh, do không phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, thời tiết, như Sinh địa, Bạch chỉ, Đương quy, Khôi tía, Bách bộ... Dù đã được bổ sung các cây thuốc mới, nhưng hiệu quả không cao và chỉ giữ lại được vài cá thể. Thực tế này cho thấy cần tiếp tục có những nghiên cứu sâu để tạo ra môi trường phù hợp tối ưu cho các loài cây thuốc quý hiếm.

5. KẾT LUẬN.

Nghiên cứu các loài cây thuốc có mặt tại Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội, từ 01/10/2018 đến 30/4/2019, kết luận:

- Có 368 loài thực vật, trong đó xác định có 342 loài cây thuốc, thuộc 112 họ, 292 chi. Các loài cây thuốc ở đây có 18 bộ phận có thể được sử dụng làm thuốc, trong đó có 49 loài sử dụng 3 bộ phận (14,3%), 98 loài sử dụng 2 bộ phận (28,7%), 91 loài sử dụng 1 bộ phận (26,6%). Các loài cây thuốc này có thể sử dụng điều trị đối với 40 nhóm bệnh/chứng bệnh và 41/342 loài cây thuốc có tên trong Danh mục thuốc thiết yếu lần thứ VI do Bộ Y tế ban hành.

- Một số cây thuốc quý hiếm chuyển vị về Trung tâm được chăm sóc đặc biệt, song hiệu quả chưa cao, cần tiếp tục được nghiên cứu bảo đảm điều kiện sinh trưởng, phát triển phù hợp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2013), *Tuyển tập báo cáo hội nghị đánh giá kết quả hoạt động công nghệ về quỹ gen*.
2. Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học, tập 1, 2.
3. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

4. Trần Công Khánh, Trần Văn Ơn, Phạm Kim Mã (2010), *Cẩm nang sử dụng và phát triển cây thuốc ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học (chi nhánh TP. Hồ Chí Minh).

5. Trần Văn Ơn (2003), *Góp phần nghiên cứu bảo tồn cây thuốc ở Vườn Quốc gia Ba Vì*, Luận án tiến sĩ Dược học, Trường Đại học Dược Hà Nội.

6. Nguyễn Văn Tập, Ngô Văn Trại và CS (2006), *Kết quả điều tra nguồn tài nguyên dược liệu ở Việt Nam, giai đoạn 2001-2005*, Nghiên cứu phát triển Dược liệu và Đông dược ở Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

7. Viện Dược liệu (2013), *Kỹ thuật trồng cây thuốc*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

8. Viện Dược liệu (2010-2012), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bảo tồn nguồn gen và giống cây thuốc* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

9. Viện Dược liệu (2016), *Danh mục cây thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học - Kỹ thuật, Hà Nội.

10. Bramwell D (2002), *How many plant species are there?*, Plant Talk 28: 32-34.

11. Kang Tae Suk (1998), "Trafic and its medicinal plants work", *Proceeding of the workshop on Conservation of Medicinal Plants*, Seoul, Republic of Korea, TRAFIC East Asia, pp. 23-33.

12. Norman R Farnsworth (1998), "Screening plants for new medicines", *Biodiversity*, National Academy Press, Washington D.C, pp. 83-97. □



Huyền sâm



Khôi tía



Ngũ gia bì gai



Bạch quả



Đương quy



Ô liu

Hình ảnh một số cây thuốc tại Trung tâm Bảo tồn nguồn gen cây thuốc, Viện Y học cổ truyền Quân đội.